TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

Bên cạnh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự[1], hiện nay chúng ta còn có trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính. Đáng lẽ ra vấn đề trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong từng hoạt động này được điều chỉnh ở các phần khác nhau. Tuy nhiên, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã theo hướng thống nhất trong việc điều chỉnh.

Ở đây, phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cũng như cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường trong hai hoạt động tố tụng dân sự và hành chính được quy định như nhau và chúng ta sẽ làm rõ trong chuyên đề này. Cũng như các lĩnh vực khác, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính phải tuân thủ các quy định chung.

Trong phạm vi chuyên đề này, chúng tôi tập trung vào phân tích vấn đề phạm vi trách nhiệm bồi thường và cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường.

1. Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Vấn đề bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính đã được ghi nhận trong Bộ luật dân sự và pháp luật về tố tụng.

Tuy nhiên, để cụ thể hoá trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã quy định Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người tiến hành tố tụng dân sự, tố tụng hành chính gây ra trong trường hợp tự mình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác với biện pháp khẩn cấp tạm thời mà cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu; hoặc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cá nhân, cơ quan, tổ chức; hoặc ra bản án, quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án.

TTBD ĐBDC

[1] Xem thêm về trách nhiệm bồi thường của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án.

Để hiểu rõ các quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, đối với mỗi trường hợp trên, xin lấy một vụ việc để minh họa.

Vụ việc sau đây minh họa cho trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Bà Hiệp khởi kiện bà Yến tại Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà yêu cầu bà Yến trả khoản nợ. Do sợ bà Yến tẩu tán tài sản nên ngày 18-9-2009, bà Hiệp có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa ngôi nhà nằm trên diện tích 182m nên ngày 21-9-2009, Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà ra Quyết định số 04 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản nói trên.

Tuy nhiên, bà Yến đã chuyển nhượng cho bà Hoa nhà đất trên vào ngày 15-9-2009 và Tòa án cấp phúc thẩm xác định "quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04, ngày 21-9-2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà đã gây thiệt hại cho lợi ích hợp pháp của bà Hoa.

Từ quyết định gây thiệt hại trên, bà Hoa yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà và bà Hiệp phải liên đới bồi thường.

Trường hợp tự áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Luật trách bồi thường của Nhà nước thì Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người tiến hành tố tụng dân sự, tố tụng hành chính gây ra trong trường hợp tự mình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính thì đây là trường hợp người đã tiến hành tố tụng tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không thuộc trường hợp Giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; hoặc trường hợp buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng; hoặc buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm; hoặc buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động; hoặc tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sa thải người lao động theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, nguyên đơn không có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với trường hợp cho thu

TTBD DBDC

[2] Áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 tại thời điểm giải quyết vụ án

hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác; hoặc áp dụng biện pháp tạm thời để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự[3]. Đối với hàng hóa là thực phẩm đông lạnh đang tranh chấp, mà bị đơn đang chiếm giữ, nhưng Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc bị đơn đang chiếm giữ hàng hóa này phải bán ngay ra thị trường. Sau đó, đương sự khiếu nại đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Tòa án có thẩm quyền đã ra quyệt định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trong trường hợp này, nếu đương sự có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại và có thiệt hại thực tế phát sinh do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án gây ra thì Tòa án có trách nhiệm xem xét việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại. Trên đây là trường hợp người đã tiến hành tố tụng tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thuộc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự khi không có đủ các điều kiện theo quy định về giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng; Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm; Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động; Tạm đình chỉ thi hành quyết định sa thải người lao động được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

TTBD ĐBDC

Đối chiếu quy định trên với vụ việc được sử dụng để minh họa, có thể thấy việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính theo quy định trên vì Tòa án không tự mình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà việc này trên cơ sở yêu cầu của đương sự.

Để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác với yêu cầu theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người tiến hành tố tụng dân sự, tố tụng hành chính gây ra trong các trường hợp áp dụng biện pháp khẩn

[3] Áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 tại thời điểm giải quyết vụ án

cấp tạm thời khác với biện pháp khẩn cấp tạm thời mà cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Ví dụ: Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 8 Điều 102 và Điều 110, Bộ luật tố tụng dân về việc cấm thay đổi hiện trang tài sản đang tranh chấp, nhưng Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên tài sản đang tranh chấp theo quy định tại khoản 6 Điều 102 và Điều 108, Bộ Luật tố tụng dân sự. Đương sự khiếu nại yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nêu trên, Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trong trường hợp này, nếu đương sự có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại và có thiệt hại thực tế phát sinh do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án gây ra thì Tòa án có trách nhiệm xem xét việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại.

Đối chiếu quy định trên với vụ việc được sử dụng để minh họa, chúng ta thấy việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính vì Tòa án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác với yêu cầu của đương sự.

Trường hợp biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá yêu cầu theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người tiến hành tố tụng dân sự, tố tụng hành chính gây ra trong trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Ví dụ: Công ty A có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 10 Điều 102 và Điều 112, Bộ luật tố tụng dân sự về việc phong tỏa tài khoản 500 triệu đồng tại Ngân hàng z của Công ty B. Tuy nhiên, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa toàn bộ tài khoản 10 tỷ đồng của Cáng ty B tại Ngân hàng z. Công ty B có đơn khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cửa Tòa án, Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Trong trường hợp này, nếu người bị thiệt hại yêu cầu bồi thường thiệt hại và có thiệt hại thực tế phát sinh do Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp

TTBD ĐBDC

tạm thời vượt quá yêu cầu của người yêu cầu, thì Tòa án có trách nhiệm xem xét việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại.

Đối chiếu quy định trên với vụ việc được sử dụng để minh họa, có thể thấy việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính vì không có thông tin nào cho thấy quyết định của Tòa án không vượt quá yêu cầu của đương sự.

Liên quan đến tố tụng hành chính người đã tiến hành tố tụng tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi không có đơn yêu cầu của người yêu cầu hoặc người đã tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đứng với yêu cầu của đương sự.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh N ra quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp A để xây dựng khu đô thị mới. Khi doanh nghiệp A đang tiến hành xây dựng khu đô thị thì người dân cư trú xung quanh khu độ thị đang được xây dựng khởi kiện vụ án hành chính A đối với quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp A của ủy ban nhân dân tỉnh N vì cho rằng quyết định này là trái pháp luật và việc bồi thường giải phóng mặt bằng chưa thỏa đáng. Đồng thời với đơn khởi kiện, người dân có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc doanh nghiệp A phải tạm dừng việc xây dựng một phần khu đô thị giáp với nơi người dân đang sinh sống. Tuy nhiên, Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc doanh nghiệp A phải tạm dừng việc xây dựng toàn bộ khu đô thị. Doanh nghiệp A khiếu nại đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định hủy bỏ việc áp dụng, biện pháp khẩn cấp tạm thời.

TTBD ĐBDC

Trong trường hợp trên, nếu doanh nghiệp A có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại và có thiệt hại thực tế phát sinh do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án gây ra thì Tòa án có trách nhiệm xem xét việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại.

Từ ví dụ trên cho thấy hành vi có thể làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước liên quan đến biện pháp khẩn cấp tạm thời là những hành động cụ thể (ban hành quyết định). Tuy nhiên trách nhiệm bồi thường của Nhà

nước có thể là hành vi không hành động của người thi hành công vụ. Liên quan đến biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chỉ liệt kê những trường hợp ở đó cơ quan tố tụng hành động nên cần phải quy định đối với trường hợp Tòa án có lỗi trong việc không ra hay chậm ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà gây thiệt hại cho người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc của người thứ ba thì Nhà nước phải có trách nhiệm bồi thường trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sửa đổi. Tóm lại, Luật tố tụng dân sự và Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cần quy định đây là trường hợp mà Nhà nước có trách nhiệm bồi thường bởi cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Vấn đề đặt ra trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với việc xác định yếu tố trái pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước liên quan đến áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự và trong tố tụng hành chính.

Để trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phát sinh thì chúng ta phải hội đủ các điều kiện đã được phân tích ở trên trong đó có việc xác định hành vi trái pháp luật.

Văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người đã tiến hành tố tụng ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị cuối cùng của Chánh án Tòa án có thẩm quyền hoặc của Hội đồng xét xử theo của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc Luật tố tụng hành chính. Như vậy, có thể thấy rằng, hai chủ thể được quyền xác định yếu tố trái pháp luật của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó là Chánh án tòa án có thẩm quyền hoặc của Hội đồng xét xử quyết định của hai chủ thể này đều là quyết định cuối cùng vì theo quy định của Bộ luậ tố tụng dân sự thì quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án là quyết định cuối cùng và quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Hội đồng xét xử là quyết định cuối cùng.

Trong vụ việc Bà Hiệp khởi kiện bà Yến tại Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà yêu cầu bà Yến trả khoản nợ nêu ở trên, bà Hoa đã có đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà và tại Công văn số 75/TA-DS, ngày 8-10-2009, Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà đã khẳng định việc ban hành

TTBD ĐBDC

các biện pháp khẩn cấp tạm thời là đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi giải quyết tranh chấp, Hội đồng xét xử lại cho rằng, theo quy định tại khoản 5 Điều 93 Luật nhà ở thì quyền sở hữu nhà số 09 Đặng Dung nói trên thuộc về bà Hoa kể từ ngày 15-9- 2009, nhưng ngày 18-9-2009, bà Hiệp lại có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa nhà và đất này của bà Hoa là người không có nghĩa vụ gì đối với bà Hiệp là không đúng". Vụ việc này cho thấy việc xác định yếu tố trái pháp luật trong quyết định liên quan đến biện pháp khẩn cấp tạm thời là khó và có thể có mâu thuẫn giữa các chủ thể được giao giải quyết khiếu nại, trong khi đó Bộ luật tố tụng dân sự cho rằng quyết định của các chủ thể này đều là quyết định cuối cùng.

Như vậy biện pháp khẩn cấp tạm thời có yếu tố trái pháp luật và gây thiệt hại nhưng không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Do đó, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không phát sinh. Thực ra, trong quá trình giải quyết tranh chấp, ngày 1-3-2010, Tòa án Thành phố Đông Hà đã có ý kiến bổ sung rằng "theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 28, Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước thì Tòa án Đông Hà không có trách nhiệm bồi thường đối với các yêu cầu của bà Hoa", về chủ đề này, Tòa sơ thẩm cũng như Tòa phúc thẩm không theo hướng buộc Tòa án phải bồi thường và theo chúng tôi là phù hợp với quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có yếu tố trái pháp luật nhưng không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính nên trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không phát sinh trên cơ sở các quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tuy nhiên, trong vụ việc trên, Tòa án đã theo hướng buộc người yêu cầu biện pháp khẩn cấp tạm thời phải bồi thường trên cơ sở các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, theo đó người yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu của mình. Trong trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng mà gây thiệt hại

TTBD DBDC

cho người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường[4].

Nhận xét chung. Đối chiếu với những trường hợp được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính, chúng ta dễ dàng nhận thấy những trường hợp được bồi thường liên quan đến áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là rất khó xảy ra trên thực tế, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để "hoài nghi" về các trường hợp được Nhà nước bồi thường này. Bởi lẽ, rất hiếm khi Tòa án lại tự mình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; và cũng chẳng có lý do gì mà Tòa án lại áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác với biện pháp khẩn cấp tạm thời mà cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu câu hỏi đặt ra là tại sao Tòa án lại áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cá nhân, cơ quan, tổ chức? Do vậy, theo đánh giá của chúng tôi, những trường hợp được Nhà nước bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính được trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là không có nhiều ý nghĩa về mặt thực tế. Điều này có nghĩa rằng, quy định của pháp luật đang được đề cập có ý nghĩa thiên về mặt phòng ngừa, không xảy ra hoặc hiếm khi xảy ra trên thực tế, đề nghị trong dự thảo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sửa đổi.

2. Xác định bồi thường thiệt hại liên quan đến bản án, quyết định của Tòa án

Đối với các quy định liên quan đến ra bản án, quyết định cần nghiên cứu, tìm hiểu thêm trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước liên quan đến việc ra bản án, quyết định trong tố tụng dân sự và tố tụng hành chính được Luật trách

[4] Theo Tòa án, "xuất phát từ việc bà Hiệp khởi kiện bà Yến tại Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà yêu cầu bà Yến trả khoản nợ 307.584.000 đồng; do sợ bà Yến tẩu tán tài sản nên ngày 18-9-2009, bà Hiệp có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa ngôi nhà nằm trên diện tích 182m2 đất tại số 09 Đặng Dung của bà Yến nên ngày 21-9-2009, Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà ra Quyết định số 04 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản nói trên; nhưng do tài sản này bà Yến đã chuyển nhượng cho bà Hoa nên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04, ngày 21-9-2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà đã gây thiệt hại cho lợi ích hợp pháp của bà Hoa. Xét theo quy định tại khoản 1 Điều 99, Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Hiệp có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm việc thi hành án trong vụ kiện đòi nợ đối với bà Yến. Tuy nhiên, đối với ngôi nhà nằm trên diện tích đất 182m2 tại số 09 Đặng Dung đã được bà Yến chuyển nhượng cho bà Hoa qua cơ quan Công chứng Nhà nước vào ngày 15-9-2009. Theo quy định tại khoản 5 Điều 93, Luật nhà ở thì quyền sở hữu nhà số 09 Đặng Dung nói trên thuộc về bà Hoa kể từ ngày 15-9-2009, nhưng ngày 18-9-2009, bà Hiệp lại có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa nhà và đất này của bà Hoa là người không có nghĩa vụ gì đối với bà Hiệp là không đúng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 101, Bộ luật tố tụng dân sự, án sơ thẩm buộc bà Hiệp phải bồi thường những khoản thiệt hại gây ra cho bà Hoa là có căn cứ, đúng pháp luật" (Bản án số 10/2010/DS-PT, ngày 16-12-2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng).

nhiệm bồi thường của Nhà nước điều chỉnh như nhau, chúng ta cùng nhau phân tích tình huống sau :

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 39/QĐHGT, ngày 22-11-2001, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung như sau: Vợ chồng ông Sen và bà Liên trả cho bà Nga 50.000.000 đồng; do khó khăn không có tiền trả nợ, nên ông Sen và bà Liên giao lại 01 lô đất và 01 căn nhà gỗ lợp ngói (xây cất trên lô đất này) cho bà Nga để trừ nợ bà Nga đồng ý với đề nghị trên của ông Sen và bà Liên. Ngày 3-12-2001, ông Tân và bà Yến mua nhà đất nêu trên của bà Nga và ông Lâu; ông bà đã nhận nhà và sửa chữa nhà. Sau đó, Quyết định công nhận thỏa thuận trên bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm và năm 2006, ông Tân và bà Yến yêu cầu đưa ông Hồng (nguyên Chánh án Tòa án nhân dân huyện Xuyên Lộc) tham gia tố tụng vì đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự vi phạm tố tụng, dẫn tới Tòa án đã hủy hợp đồng mua bán của ông Tân, bà Yến với vợ chồng bà Nga.

Tại cấp sơ thẩm, ông Tân và bà Yến còn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc và ông Hồng bồi thường thiệt hại cho ông bà xuất phát từ Quyết định số 39 trên.

Ngoài trường hợp có thể làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước liên quan đến áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn dự liệu trường hợp người của cơ quan tố tụng ra bản án, quyết định. Tuy nhiên, phạm vi trách nhiệm bồi thường trong trường hợp này đã được trao đổi nhiều trong quá trình xây dựng Luật.

Cần nghiên cứu, bổ sung thêm một số trường hợp thiệt hại do hành vi trái pháp luật trong hoạt động thi hành án và tố tụng dân sự, hành chính mang tính phổ biến, gây bức xúc trong nhân dân hiện nay. Cần nghiên cứu, rà soát lại các quy định của pháp luật có liên quan để bổ sung thêm một số quy định trong các điều luật về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Cụ thể là bổ sung các trường hợp được bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự và hành chính như sau: “Cố ý ra bản án, quyết định trái pháp luật”. Tuy nhiên, nhiều ý kiến khác cho rằng, việc giới hạn hành vi cố ý ra bản án, quyết định trái pháp luật thì mới được bồi thường cần được cân nhắc. Bởi vì, dù cố ý hay không cố ý nhưng nếu ra bản án, quyết định trái pháp luật về gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức thì

TTBD ĐBDC

Nhà nước cũng phải bồi thường. Từ đó, có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ "có đối với hành vi này".

Tuy nhiên, việc ra bản án, quyết định trái pháp luật gây thiệt hại cho đương sự thì Nhà nước phải bồi thường, không phụ thuộc vào lỗi cố ý hay vô ý của Thẩm phán, Hội thẩm; còn trong trường hợp Thẩm phán, Hội thẩm ra bản án mà biết rõ (cố ý) là trái pháp luật thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Do đó, bỏ cụm từ "cố ý" và theo hướng Thẩm phán ra bản án, quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án thì mới chịu trách nhiệm bồi thường.

Theo luật hiện hành Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người tiến hành tố tụng dân sự, tố tụng hành chính gây ra trong các trường hợp sau đây[5]:

Ra bản án, quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án".

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không thực sự cụ thể trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính so với lĩnh vực tố tụng hình sự và điều này làm ảnh hưởng tới tính khả thi của điều luật. Có ý kiến cho rằng rất khó thực hiện và nên quy định tương tự như là quy định của Bộ luật hình sự, tuy nhiên vấn đề này cần được nghiên cứu kỹ để quy định cụ thể trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sửa đổi. Các quy đọmk trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính đã có hướng dẫn cụ thể về việc ra bản án, quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án quy định tại khoản 4 Điều 28, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính đã bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và có văn bản xác định hành vi trái pháp luật.

Về mặt lý thuyết, xác định phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ là hai vấn đề khác nhau. Tuy nhiên, với quy định trên, hai vấn đề vừa nêu dường như đã cùng được quy định tại Khoản 4 Điều 28, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nằm trong phần phạm vi trách nhiệm bồi thường, nhưng có nội dung cho biết hành vi của người thi hành công vụ có trái hay không trái pháp luật.

[5] Khoản 4 Điều 28, Luật Bồi thường thiệt hại của Nhà nước.

TTBD ĐBDC

Đối chiếu các quy định trên với ví dụ được sử dụng để minh họa, có thể thấy điều kiện là bản án, quyết định giải quyết với việc dân sự, vụ án hành chính đã bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đã được hội đủ vì Tòa án đã không ra bản án mà ra quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự ảnh hưởng tới ông Tân, bà Yến và đã hủy theo thủ tục giám đốc thẩm,bị hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 02/GĐT, ngày 30-10-2003 của ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu). Vấn đề tiếp theo là cần phải hội đủ thêm điều kiện theo đó có văn bản xác định hành vi trái pháp luật.

Văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người đã tiến hành tố tụng ra bản án, quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án phải căn cứ vào các văn bản sau:

Thứ nhất, bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật xác định người đã tiến hành tố tụng đó phạm tội ra bản án trái pháp luật hoặc tội ra quyết định trái pháp luật hoặc tội làm sai lệch hồ sơ vụ án;

Thứ hai, các quyết định gồm Quyết định đình chỉ điều tra của cơ quan điều tra, quyết định đình chỉ vụ án của Viện Kiểm sát, quyết định đình chỉ vụ án của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự vì lý do người đã tiến hành tố tụng ra bản án, quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án được miễn trách nhiệm hình sự theo của Bộ luật hình sự;

Thứ ba, quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của Chánh án Tòa án xác định người đã tiến hành tố tụng có hành vi ra bản án mà biết rõ là trái pháp luật hoặc ra quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc có ý làm sai lệch hồ sơ vụ án trong trường hợp người đã tiến hành tố tụng chưa bị khởi tố hoặc đang bị điều tra, truy tố, xét xử về những hành vi này thì bị chết;

Thứ tư, quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức đối với người đã tiến hành tố tụng có hành vi ra bản án mà biết rõ là trái pháp luật hoặc ra quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án trong trường hợp người đã tiến hành tố tụng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về những hành vi này.

3. Thủ tục xác định hành vi trái pháp luật.

Thủ tục xác định hành vi trái pháp luật được quy định theo hướng người bị thiệt hại cho rằng mình bị thiệt hại do hành vi ra bản án mà biết rõ là trái pháp

TTBD ĐBDC

luật hoặc ra quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án của người đã tiến hành tố tụng nhưng người đã tiến hành tố tụng chưa bị khởi tố hoặc đang trong quá trình bị điều tra, truy tố, xét xử về những hành vi này thì bị chết, thì người bị thiệt hại có quyền khiếu nại, tố cáo tới Chánh án Tòa án quản lý người đã tiến hành tố tụng. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản khiếu nại, tố cáo của người khiếu nại, tố cáo, Chánh án Tòa án quản lý người đã tiến hành tố tụng xét thấy việc khiếu nại, tố cáo của người khiếu nại, tố cáo là có căn cứ, thì ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn gồm ít nhất ba thành viên giúp Chánh án xem xét hành vi ra bản án mà biết rõ là trái pháp luật hoặc ra quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án của người đã tiến hành tố tụng bị khiếu nại, tố cáo. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ nghiên cứu, xem xét có hay không có hành vi ra bản án mà biết rõ là trái pháp luật hoặc ra quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án của người đã tiến hành tố tụng bị khiếu nại, tố cáo. Ý kiến của Hội đồng tư vấn được lập thành Văn bản có chữ ký xác nhận của từng thành viên Hội đồng tư vấn. Trường hợp các thành viên Hội đồng tư vấn có ý kiến khác nhau thì văn bản báo cáo Chánh án cần ghi rõ ý kiến của từng thành viên.

Trên cơ sở báo cáo của Hội đồng tư vấn, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, Chánh án Tòa án xem xét ra quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, xác định có hay không có hành vi ra bản án mà biết rõ là trái pháp luật hoặc ra quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án của người đã tiến hành tố tụng bị khiếu nại, tố cáo. Chánh án Tòa án ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo này phải được gửi ngay cho người khiếu nại, tố cáo và người đã tiến hành tố tụng bị khiếu nại, tố cáo. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của Chánh án Tòa án cấp huyện hoặc Chánh án Tòa án cấp tỉnh, người khiếu nại, tố cáo và người đã tiến hành tố tụng bị khiếu nại, tố cáo có: quyền khiếu, nại tới Chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp của Chánh án Tòa án đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại của người khiếu nại, tố cáo hoặc người đã tiến hành tố tụng bị khiếu nại, tố cáo, Chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Quyết định của Chánh án Tòa; án cấp trên trực tiếp là quyết định cuối cùng và phải được gửi

TTBD ĐBDC

ngay cho người khiếu nại, tố cáo, người đã tiến hành tố tụng bị khiếu nại, tố cáo và Tòa án đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đối với quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của Chánh án tòa án nhân dân, tối cao giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi bản án mà biết rõ là trái pháp luật hoặc ra quyết định mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án của người đã tiến hành tố tụng thuộc Tòa án nhân dân tối cao, thì quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng.

Nhận xét về vụ việc minh họa. Trong vụ việc được sử dụng để minh họa, Hội đồng thẩm phán đã xét rằng, để giải quyết đúng đắn vụ án, cần làm rõ mối quan hệ giữa các đương sự và nguyên nhân của việc Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự không đúng pháp luật, trên cơ sở đó xác định ai có lỗi thì phải bồi thường thiệt hại cho ông Tân và bà Yến. Trong trường hợp này, ông Tân và bà Yến mua nhà của bà Nga và ông Lâu sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 39/QĐHGT, ngày 22-11-2001 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc có hiệu lực pháp luật, nên vợ chồng ông Tân không có lỗi và không phải bồi thường. Quan hệ giữa vợ chồng ông Sen với vợ chồng bà Nga là quan hệ vay nợ, có thế chấp giấy chủ quyền nhà đất và giao nhà để trừ nợ. Tuy nhiên, ông Sen và bà Liên giao nhà cho bà Nga để trừ nợ có tự nguyện hay không? Nguyên nhân của việc Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc lập biên bản hòa giải không có mặt nguyên đơn (bà Nga) và ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng? Trong trường hợp bà Nga có tác động tiêu cực để ông Hồng (khi đó là Chánh án Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc) ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên; sau đó (ngày 3-12-2001) bán ngay căn nhà này cho vợ chồng ông Tân thì bà Nga có lỗi và phải bồi thường thiệt hại cho ông Tân và bà Yến. Trường hợp Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc có lỗi, gây thiệt hại cho đương sự thì việc bồi thường thiệt hại (do người tiến hành tố tụng dân sự gây ra) được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Ở đây, có việc Tòa án ban hành quyết định và quyết định này đã bị hủy. Từ đó, Hội đồng Thẩm phán theo hướng "trường hợp Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc có lỗi, gây thiệt hại cho đương sự thì việc bồi thường thiệt hại do

TTBD DBDC

người tiến hành tố tụng dân sự gây ra được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trước khi đưa ra đoạn vừa trích dẫn, Hội đồng Thẩm phán đã đề cập đến khả năng bà Nga có tác động tiêu cực để ông Hồng, khi đó là Chánh án Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Điều này cho thấy nếu người ra bản án do tác động tiêu cực từ phía đương sự thì Tòa án có thể được coi là có lỗi và trách nhiệm bồi thường của Tòa án có thể phát sinh.

Hội đồng thẩm phán theo hướng Tòa án phải bồi thường khi có lỗi và không quan tâm tới các loại văn bản xác nhận hành vi trái pháp luật. Tòa án có thể áp dụng những cơ sở khác để xác định hành vi trái pháp luật không? Câu trả lời chưa tìm được câu trả lời nhưng hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán trong ví dụ được bình luận dường như tạo điều kiện cho người bị thiệt hại nên cần được nghiên cứu, xem xét để đưa vào dự thảo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước sửa đổi.

Bên cạnh đó, Bộ luật dân sự hiện hành quy định về bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra với nội dung cơ quan tiến hành tố tụng phải bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của mình gây ra khi thực hiện nhiệm vụ trong quá trình tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm yêu cầu người có thẩm quyền đã gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật, nếu người có thẩm quyền có lỗi trong khi thi hành nhiệm vụ.

Liên quan đến hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không có quy định tương tự đối với hoạt động quản lý hành chính[6]. Quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính tại Điều 28, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chỉ đưa ra một danh sách những trường hợp nêu trên. Do đó, khó có thể coi Điều 598, Bộ Luật dân sự nêu trên là một nội dung của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và câu hỏi đặt ra là, trước một trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nhưng thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 598, Bộ luật dân sự, chúng ta có được áp dụng trực tiếp Điều 598 không?

[6] Viện dẫn đến các quy định khác ngoài Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

TTBD DBDC

Thực ra, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không có quy định nào loại trừ việc áp dụng Điều 598, Bộ luật dân sự nên có thể áp dụng quy định này đối với trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nhưng thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 598, Bộ Luật dân sự. Trong vụ việc trên, Hội đồng Thẩm phán định hướng việc bồi thường theo quy định của pháp luật và không có hướng việc bồi thường theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Với định hướng đó của Hội đồng Thẩm phán, liệu có thể giải thích là người bị thiệt hại được bồi thường theo Điều 598, Bộ luật dân sự khi không thuộc trường hợp được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Quyết định của Hội đồng Thẩm phán chưa thực sự rõ để có câu trả là chắc chắn.

Tòa án có thẩm quyền ra quyết định" nên có thể là Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm vì vậy cần được xác định cụ thể. Trong vụ việc được sử dụng để minh họa ở trên, nếu các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được hội đủ thì Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà chịu trách nhiệm bồi thường.

Việc xác định các vấn đề liên quan đến ra bản án, quyết định cần được xem xét ở cả ba cấp xét xử:

Đối với Tòa án cấp sơ thẩm. Trong trường hợp trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phát sinh liên quan đến việc ra bản án hay quyết định, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước xác định Tòa án cấp sơ thẩm có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp ra bản án, quyết định sơ thẩm mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án đã có hiệu lực nhưng bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Trong vụ việc được sử dụng để minh họa ở trên, nếu các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hội đủ thì Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc chịu trách nhiệm bồi thường.

Tòa án cấp phúc thẩm. Trong trường hợp trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phát sinh liên quan đến việc ra bản án hay quyết định, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước còn xác định Tòa án cấp phúc thẩm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp ra bản án, quyết định phúc thẩm mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

TTBD DBDC

Tòa án xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm, về cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là Tòa án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp ra quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm đã có hiệu lực pháp luật mà biết rõ là trái pháp luật hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án nhưng bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Như vậy, không chỉ Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường mà có thể cả Tòa xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hay tái thẩm cũng phải chịu trách nhiệm bồi thường.

TTBD ĐBDC